

Số: 253 /2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 515/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “Thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị **Nguyễn Anh T**, sinh năm 2004

Số CCCD: 075304015163, cấp ngày 31/8/2021

+ Anh **Lê Vĩnh T1**, sinh năm 2004

Số CCCD: 075204002836, cấp ngày 17/4/2021

Cùng địa chỉ: Tổ A. ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Anh T và anh Lê Vĩnh T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L (nay là xã L), tỉnh Đồng Nai vào năm 2024, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 23/7/2024 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên bất hòa dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, chị T và anh T1 thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn. Ngày 21 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với chị T, anh T1 nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Anh T và Anh Lê Vĩnh T1 thuận

tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị T, anh T1 khai không có nên không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Chị T, anh T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh T1 mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Anh T và Anh Lê Vĩnh T1 thuận tình ly hôn.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Anh T, Anh Lê Vĩnh T1 mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007130 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị T, anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Phòng T.H.A dân khu vực 2 - Đồng Nai ;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai

